

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC3	7:25	19+0	0+0		14+8	0+0	
2		TD5+P6+C10	7:25	20+2+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
3		P7+P8+TD2	7:25	22+0+0	0+0+0		11+1+10	0+0+0	
4		P4+PVD6+P4	9:25	10+10+0	0+0+0		0+8+14	0+0+0	chuyen 7 P4-PVD6
5		PPD+CTK3+C11	9:25	19+1+2	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
6		RP3+RP2+P4	9:25	16+2+4	0+0+0		8+3+11	0+0+0	
7		PPD+TD5+RP3	11:25	10+8+4	0+0+0		0+16+6	0+0+0	chuyen 1 PPD-RP3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người P4 chuyển sang PVD6 sau đó chuyển từ PPD sang RP3, 2/ PVD6 1 người+P2 1ng về qua PPD

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - RC3	CREW: CHIẾN - TUYỀN - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

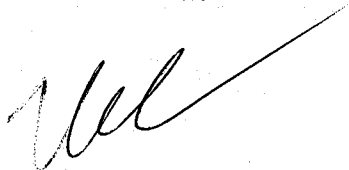
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2					87	KHOAN	Vietnamese
2	QUACH VAN TOI	TD2	05	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG	TD2	08	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
4	VUONG DINH LIEN	TD2	16	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	TD2	23	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN CUONG	TD2	22	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN THANG	TD2	25	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRUONG DUC MANH	TD2	20	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	VU TIEN DUNG	TD2	21	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUY THAI	TD2	24	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VIET THANH LUAN	TD2	18-19	2	8		50	KHOAN	Vietnamese
13	HA VAN LINH	TD2	09	1	8		92	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MANH HUNG	TD2	07	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
15	BUI SI CUONG	TD2	17	1	2		60	GETRACO	Vietnamese
16	LE NGOC NHAT	TD2	13	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
17	VU VAN TUAN	TD2	12	1	6		66	GETRACO	Vietnamese
18	TRAN ANH LAM	TD2	10	1	9		59	GETRACO	Vietnamese
19	VO NHAT HOANG PHUC	TD2	06	1	4		73	GETRACO	Vietnamese
20	LE ANH TUAN	TD2	14-15	2	10		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	21	124	1.453	0	14		
2	RC3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		20	21	124	1.453	0	22		
WEIGHT KG				124	1.453	0			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

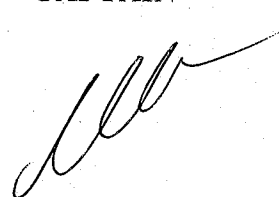
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2022	TO: TD5 - P6 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: QViệt - KHOÀN - HIẾU -	ETA: 09:25
CAM - 1		Thành	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIL	TD5	59	1	6	20	71	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	61	1	5		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	57	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THIEU	TD5	64	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
5	VI HUNG CUONG	TD5	79	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN LUAN	TD5	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRUONG TRUNG	TD5	63	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD5	66	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
9	ĐAO THANH SON	TD5	82	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEU	TD5	84	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	62	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DINH LO	TD5	78	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
13	VU THANH TUNG	TD5	68	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NGHIA	TD5	80	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
15	LE VIET THANG	TD5	60	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN CHIEN	TD5	65	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO HOAI THANH	TD5	86	1	8		68	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIEN	TD5	81	1	5		67	DVL	Vietnamese
19	VU HUU TAN	TD5	67	1	8		80	DVL	Vietnamese
20	DUONG TRUNG KIEN	TD5	83	1	12		58	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NHAN	P6	59	1	20		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUANG NHAN	P6	25	1	5		59	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	20	138	1.411	20	16		
2	P6	2	2	25	129	0	2		
3	CLO	0	0	0	0	90	4		
TOTAL		22	22	163	1.540	110	22		
WEIGHT KG				163	1.540	110			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P7 - P8 - TD2	CREW: MTHAO - VThắng - THỤ -	ETA: 09:30
VANG-1		N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P7					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7					68	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P7					60	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀU VĂN MINH	P7					76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P7	700	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
6	NHAM ĐỨC QUANG	P7	97	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	92	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NHẬT QUANG	P7	98	1	12		56	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ HUY TỌA	P7	791-792	2	15		63	PVD-BH	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P7					61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P7	91	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HOA	P7	87-88	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHĨA	P7	88	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	HÀN TRÍCH GIANG	P7	01,50	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
15	TÀ VĂN CUÔNG	P7	93-94	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ THANH LẠC	P7	99	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN ĐƯỢC	P7	786-787	2	12	80	54	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HUNG	P7	790	1	12	15	60	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN ANH HIỆP	P7	85-86	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN PHƯỢNG	P7	93-94	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HỮU QUAN	P7	89-90	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TIẾN	P7	95-96	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	26	214	1.466	95	11		
2	P8	0	0	0	0	0	1		
3	TD2	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	26	214	1.466	95	22		
WEIGHT KG				214	1.466	95			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

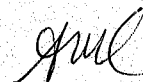
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2022	TO: P4 - PVD6 - P4.	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: QViệt - KHOÀN - HIẾU -	ETA: 11:45
CAM-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH DUY HUNG	P4	42	1	5	40	80	APAVE	Vietnamese
2	VŨ MẠNH HÀ	P4	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	40	1	4		69	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRẠI	P4	44	1	3		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	43	1	5		71	KHI	Vietnamese
6	TẠ XUÂN HIẾU	P4	45	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	37	1	3		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	39	1	4		66	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TAM	P4	35-36	2	12		59	KHI	Vietnamese
10	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	38	1	4		78	KHI	Vietnamese
11	PHAN VĂN DUONG	PVD6					56	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HIẾN GIANG	PVD6	60	1	5	22	69	SEAMAP	Vietnamese
13	PHẠM HAI ĐĂNG	PVD6	59	1	9		70	SEAMAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUẤN	PVD6	58	1	4		70	VTB	Vietnamese
15	VŨ VĂN HÀ	PVD6	36-37	2	12		92	NHATHAU	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THOM	PVD6	54-55	2	15		86	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HẬU	PVD6	63	1	5		76	NHATHAU	Vietnamese
18	TÔ NHƯ CÂN	PVD6	61-62	2	7		81	NHATHAU	Vietnamese
19	MAXWELL HOGG	PVD6	52-53	2	15		85	NHATHAU	British
20	RAYMOND GEORGE THIRD	PVD6	49-51	3	24		86	NHATHAU	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	11	50	712	40	0	0	CHUYEN 7 PAX P4-PVD6
2	PVD6	10	15	96	771	22	8		
3	P4.	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		20	26	146	1.483	62	22		
WEIGHT KG				146	1.483	62			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: PPD - CTK3 - CLI	CREW: MTHAO - VThắng - THỤ - N.Cương	ETA: 11:50
DO-2			

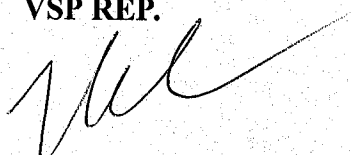
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU TRƯỜNG GIANG	PPD	60	1	10		70	APAVE	Vietnamese
2	PHẠM TÀI	PPD	61-62	2	15		71	KHI	Vietnamese
3	KOLESNIK ALEXANDER	PPD	65	1	5		107	KHI	Russian
4	DOÀN VIỆT ĐIệp	PPD	15	1	4		60	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	16	1	5		61	KHI	Vietnamese
6	HOANG MINH HIỆU	PPD	21	1	4		68	KHI	Vietnamese
7	VŨ THANH BÌNH	PPD	87	1	5		79	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	18	1	5		76	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NAM	PPD	22	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	17	1	6		69	KHI	Vietnamese
11	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	63	1	8	60	82	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	19	1	7		82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	23	1	5		55	KHI	Vietnamese
14	LÊ MẠNH HÙNG	PPD	60	1	12		78	ANTOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG PHONG	PPD	64	1	7		70	YTE	Vietnamese
16	HOANG ĐỨC LINH	PPD	62-63	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DOÀN KHÁC CÁN	PPD	61	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CUONG	PPD	64	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN CHINH	PPD	20	1	7		78	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG QUANG HUY	CTK3	96-97	2	15	25	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUY	CLI	62	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DOÀN TIẾN LŨ	CLI	48-49	2	12	32	72	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

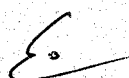
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	21	139	1.384	60	17		
2	CTK3	1	2	15	70	25	3		
3	CLI	2	3	21	137	32	2		
TOTAL		22	26	175	1.591	117	22		
WEIGHT KG				175	1.591	117			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: RP3 - RP2 - P4	CREW: CHIẾN - TUYỀN - DTùng	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PANKRATOV R.	RP3	39	1	10		88	KHI	Russian
2	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	44	1	4		60	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	42	1	7		68	KHI	Vietnamese
4	LÂM TIẾN PHI	RP3	45	1	8		82	KHI	Vietnamese
5	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	43	1	7		79	KHI	Vietnamese
6	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	47	1	3		65	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	38	1	3		77	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	41	1	10		79	KHI	Vietnamese
9	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	49	1	2		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	35-36	2	14		86	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÊM	RP3	33-34	2	11		72	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	RP3	37	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	48	1	4		73	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN LẬP	RP3				60	62	KHI	Vietnamese
15	PHẠM BÌNH NAM	RP3	40	1	9		63	KHI	Vietnamese
16	NGO NGOC HAN	RP3	46	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP2	26	1	7		80	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	03	1	8		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4	02	1	4		78	KHI	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	P4	04-05	2	20		65	KHI	Vietnamese
21	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	01	1	4	40	62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	105	1.168	60	8		HANG RP2 VE 100 KG
2	RP2	1	1	7	80	0	3		
3	P4	4	5	36	275	40	11		
TOTAL		21	23	148	1.523	100	22		
WEIGHT KG				148	1.523	100			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2022	TO: PPD - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - Vũ	ETA: 13:50
VANG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NGOC SON	PPD	35	1	7	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH CONG BINH	PPD	38	1	10		64	KHI	Vietnamese
3	NGO SY THANH	PPD	39	1	5		89	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	41	1	7		82	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH	PPD	42	1	2		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DUC HOA	PPD	40	1	7		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN MINH KHOAN	PPD	43	1	12		84	KHI	Vietnamese
8	DO NGOC TAN	PPD	44	1	2		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUONG	PPD	36-37	2	15		70	KHI	Vietnamese
10	VUONG DINH DONG	TD5	49-50	2	10	40	90	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN DANG NGOC	TD5	55	1	2		75	PSV	Vietnamese
12	TRAN MINH HUNG	TD5	52	1	5		90	PSV	Vietnamese
13	PHAM QUANG HUY	TD5	53	1	4		65	PSV	Vietnamese
14	LUONG ANH HAI	TD5	54	1	5		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DANG NAM	TD5	51	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TIEN	TD5	56	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HANH	TD5	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	PHAN ANH KHANG	RP3	26-27	2	13	20	70	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	RP3	28-29	2	20	14	80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	10	67	661	40	0	4	CHUYEN 1PAX PPD-RP3 +100 KG VE TU RP3
2	TD5	8	9	39	570	40	16		
3	RP3	2	4	33	150	34	6		
TOTAL		19	23	139	1.381	114	22		
WEIGHT KG				139	1.381	114			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN